

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 38/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 08-7-2022
V/v Tranh chấp HNGĐ - Ly hôn,
nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Văn Vững.
2. Ông Đào Văn Hiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Tấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 08 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 318/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 351/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Nhựt M, sinh năm 1990.

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Chị Cao Ngọc T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm anh Nguyễn Nhựt M là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Vợ chồng quen biết, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Quý, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp vào năm 2015. Sau khi đám cưới vợ chồng chung sống tại xã Mỹ Quý và hạnh phúc được 04 năm. Sau đó tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt và phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống.

Vợ chồng đã sống ly thân khoảng 02 năm nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng đã phai nhạt, không thể nào gắn lại được nên nay anh M yêu cầu được ly hôn với chị Cao Ngọc T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 26/11/2019. Hiện nay con chung đang sống với chị T. Khi ly hôn anh M đồng ý để con chung cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng và anh M không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Bị đơn là chị Cao Ngọc T đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và được triệu tập xét xử hợp lệ, biết nội dung yêu cầu khởi kiện của anh M nhưng không có ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

- Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:

- + Trích lục kết hôn (bản sao).

- + Giấy khai sinh con chung (bản sao).

- + Giấy CMND và SHK của anh Nguyễn Nhựt M (photo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Nguyễn Nhựt M có đơn yêu cầu được ly hôn, nuôi con với chị Cao Ngọc T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con*”.

Chị Cao Ngọc T là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ ở ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Cao Ngọc T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T là phù hợp theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh M, chị T được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Quý, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp vào năm 2015, do đó hôn nhân giữa anh M và chị T là hợp pháp. Anh M cho rằng sau khi đám cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được 04 năm. Sau đó tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt và phát sinh mâu thuẫn do

vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân khoảng 02 năm nay.

Khi giải quyết vụ kiện, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập chị Cao Ngọc T tham gia phiên hòa giải, phiên tòa nhưng chị T vắng mặt không có lý do cũng như không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của anh M. Xét thấy giữa anh M và chị T không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Như vậy, mục đích hôn nhân của anh, chị không đạt được. Nay anh M yêu cầu ly hôn với chị T là có căn cứ để chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa anh M và chị T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của anh M.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 26/11/2019. Hiện nay con chung đang sống với chị T. Khi ly hôn anh M đồng ý để con chung cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng và anh M không cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi anh M, chị T xảy ra mâu thuẫn đến nay, chị T là người trực tiếp chăm sóc con chung, chị T biết việc anh M đồng ý giao con chung cho chị T nuôi dưỡng nhưng chị T không có ý kiến, từ đó cho thấy chị T đồng ý nuôi con chung. Do đó để con chung tên Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 26/11/2019 cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng. Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nuôi, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung: Anh M trình bày không có, không yêu cầu giải quyết; chị T không có ý kiến về phần tài sản chung và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Anh M trình bày vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ nên không yêu cầu giải quyết; chị T không có ý kiến đối với phần nợ chung và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

** Về án phí:*

Anh Nguyễn Nhựt M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Nhật M:

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Nhật M được ly hôn với chị Cao Ngọc T.
- Về con chung: Chị Cao Ngọc T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 26/11/2019. Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nuôi, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung: Anh M trình bày không có, không yêu cầu giải quyết; chị T không có ý kiến về phần tài sản chung và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Anh M trình bày vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ nên không yêu cầu giải quyết; chị T không có ý kiến đối với phần nợ chung và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001730 ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Như vậy tiền án phí anh M đã nộp xong.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HTM;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Toà án Tỉnh;
- UBND xã Mỹ Quý, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Lê Văn Ngọc